

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/ HNGĐ- ST

Ngày: 16.03.2018

*(V/v xin ly hôn và tranh chấp
quyền nuôi con)*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Bá Kiên, Ông Bùi Sỹ Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vương Thanh Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc li hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2018 và ấn định ngày xét xử lần 2 theo Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07.3.2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N- Sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Đức V - Sinh năm 1978.

Địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin li hôn đề ngày 05.10.2017 và các lời khai, biên bản phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức V lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 03.02.2007; Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống với nhau thì vợ chồng liên tục phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, quan điểm sống khác biệt, không ai chịu thông cảm và hiểu cho nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ đầu năm 2011 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ. Nay tình cảm vợ chồng rơi vào tình trạng căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị xét thấy không còn tình cảm gì với anh V nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Đức V.

- Về con chung, chị Nguyễn Thị N trình bày: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 08.9.2007 (giới tính: Nữ) và cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 11.10.2009 (giới tính: Nam); Chị Nguyễn Thị N trình bày là từ khi li thân đến nay, chị trực tiếp chăm nuôi 2 cháu và 2 cháu ăn học, phát triển tâm sinh lý tốt mặc dù anh V không hề thăm hỏi, chu cấp cho các cháu. Nguyên vọng sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị N tiếp tục xin được là người được trực tiếp nuôi hai con và chưa yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật vì hiện tại anh V không có công ăn việc làm ổn định.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức V trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị N về thời gian, nơi kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng là đúng, anh không có ý kiến gì. Anh và chị lấy nhau vào ngày 03.2.2007, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nhưng do mưa bão và thời gian đã lâu, bảo quản không tốt nên giấy đăng ký kết hôn đã hỏng. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về cách sống, cách làm ăn và cách nuôi con; Đến đầu năm 2011 thì chị N đưa cả hai con về bên nhà bố mẹ đẻ của chị sống. Anh và chị N cắt đứt mọi quan hệ từ tháng đó cho đến nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì vẫn muốn vợ chồng cùng chung nuôi con nhưng nếu chị cương quyết xin li hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh trình bày vợ chồng con chung là cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 08.9.2007 (giới tính: Nữ) và cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 11.10.2009 (giới tính: Nam) như chị N khai nhận là đúng; Anh V thừa nhận là từ khi li thân năm 2011 cho đến nay, chị trực tiếp chăm nuôi 2 cháu. Anh đồng ý với nguyện vọng sau khi ly hôn để cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục được là người trực tiếp nuôi hai con và xin tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật cho anh vì hiện tại anh không có công ăn việc làm ổn định.

- Về tài sản chung, vay nợ và cho vay nợ chung, anh cũng nhất trí như chị trình bày, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 21.02.2018, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An thì xác định chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức V không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền xã.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành và người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước lúc nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc thụ lý đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, thời hạn giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 14,15; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức V; Xem xét các tình tiết về mức thu

nhập, tuổi của con chung và hoàn cảnh sống của các bên, đề nghị giao cả hai cháu Nguyễn Thị N và Nguyễn Đức K là con chung của anh chị cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V theo thỏa thuận của các bên đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tài sản và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

(1.) Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập lời khai các đương sự, họp phiên công khai chứng cứ hợp lệ; việc các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

(2.) Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức V khai đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N ngày 03/02/2007, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nhưng anh chị không cung cấp được tài liệu chứng minh đã đăng ký kết hôn; Qua xác minh tại địa phương thì hai người không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Như vậy quan hệ giữa anh Nguyễn Đức V và chị Nguyễn Thị N là quan hệ nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 luật Hôn nhân và Gia đình.

(2.1) Về tình cảm: Xét chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức V chung sống với nhau vào ngày 03.02.2007; Sau một thời gian chung sống với nhau thì giữa hai bên liên tục phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, quan điểm sống khác biệt dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2011 cho đến nay hai người sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị N trình bày là có cơ sở vì hai bên li thân đã lâu. Mặc dù Tòa án triệu tập với mong muốn hòa giải, phân tích để vợ chồng quay về đăng ký kết hôn và chung sống nuôi dạy con nhưng anh không tham gia phiên hòa giải, không hợp tác với Tòa án để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Xét nguyện vọng xin giải quyết việc hôn nhân của chị Nguyễn Thị N là hợp pháp, không trái đạo đức xã hội nên cần áp dụng điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố chị N và anh Nguyễn Đức V không phải là vợ chồng.

(2.2) Về con chung: Xét quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức V có hai con chung là các cháu Nguyễn Thị N và Nguyễn Đức K; Từ khi li thân năm 2011 đến nay cả hai cháu đang do chị N nuôi dưỡng. Nguyên vọng chị N xin được là người được trực tiếp nuôi các con và chưa yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Chị Nguyễn Thị N khẳng định chị có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu hơn vì hiện tại chị có công ăn việc làm ổn định và thực tế từ năm 2011 đến nay các cháu sinh sống khỏe mạnh, ăn học đầy đủ mặc dù không có sự chu cấp từ phía anh. Ngược lại, anh Nguyễn Đức V cũng cho rằng anh chưa có công việc làm ổn định nên xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con nếu chị được giao nuôi cả hai cháu.

Xét các tình tiết về tuổi của con chung và hoàn cảnh sống của các bên, Hội đồng xét xử thấy nên giao cả hai cháu Nguyễn Thị N và Nguyễn Đức K là con chung của vợ chồng cho mẹ của cháu là Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng như từ trước đến nay là phù hợp với thực tế sống, phù hợp cho các cháu ổn định tâm sinh lý, phát triển hoàn thiện, không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ vào nguyện vọng của cả hai bên nên xét tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đức V.

(2.3) Về tài sản chung, nợ và cho vay nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, cả hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

(2.4) Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí li hôn sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, 15; 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Xử:

1. Về tình cảm: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức V.

2. Về con chung: Giao hai con chung là các cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 08.9.2007 (*giới tính: Nữ*) và cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 11.10.2009 (*giới tính: Nam*) cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đức V.

Anh Nguyễn Đức V có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu anh V lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh Nguyễn Đức V.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí li hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nghi Lộc theo biên lai số 0004639 ngày 06.10.2017; Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND h. Nghi Lộc;
- Chi cục THA dân sự Nghi Lộc;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Loan Hòa